

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/DSST
Ngày 27/9/2021
V/v: “Tranh chấp HĐ vay TS”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Mạnh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Loan

2. Ông Nguyễn X Trường

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Huệ - Thư ký TAND huyện Hiệp Hòa

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Hồng Hạnh - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2021/TLST- DS ngày 11 tháng 8 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2021/QĐXXST-DS ngày 07/9/2021, giữa các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Ông Dương Quang L, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn Chóp, xã Lương Phong, Hiệp Hòa, Bắc Giang (có mặt)

1.2. Bị đơn: Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1974

Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1974 (là vợ ông Đ)

Cùng địa chỉ: Thôn Tứ, xã Lương Phong, Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (đều vắng mặt).

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị D, sinh năm 1963 (là vợ và cùng địa chỉ với ông Dương Quang L), xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 04/5/2021 và bản tự khai ngày 11/8/2021, nguyên đơn ông Dương Quang L trình bày: Giữa ông và vợ chồng ông Đoàn Văn Đ – bà Nguyễn Thị X có quan hệ quen biết nhau. Vợ chồng ông Đ đã vay tiền của vợ chồng ông nhiều lần để kinh doanh quán hát, cụ thể như sau:

- Ngày 18/4/2016 âm lịch vay 50.000.000đ

- Ngày 15/5/2016 âm lịch vay 30.000.000đ
- Ngày 19/7/2016 âm lịch vay 20.000.000đ
- Ngày 14/10/2016 âm lịch vay 50.000.000đ
- Ngày 17/01/2017 âm lịch vay 50.000.000đ
- Ngày 25/02/2017 âm lịch vay 60.000.000đ

Tổng cộng, vợ chồng ông Đ vay của vợ chồng ông 6 lần với tổng cộng số tiền 260.000.000đ. Các lần vay tiền đều do ông Đ ký vào Giấy vay tiền, hai bên có thỏa thuận lãi. Vợ chồng ông Đ có trả lãi theo thỏa thuận đến ngày 25/02/2017 âm lịch. Từ đó cho đến nay không trả gốc và lãi nữa mặc dù ông đã đòi nhiều lần. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đ phải trả cho ông 260.000.000đ tiền gốc và tiền lãi của số tiền đó trong thời gian 4 năm, 6 tháng là 150.000.000đ.

Tại các Biên bản lấy lời khai ngày 13/8/2021, 16/8/2021, bị đơn là ông Đoàn Văn Đ, bà Nguyễn Thị X thừa nhận các lần vay tiền và tổng số tiền vay là 260.000.000đ như ông L đã khai. Các lần vay tiền, ông Đ đều ký, hai bên thỏa thuận lãi suất 2000đ/triệu/ngày, không thỏa thuận thời hạn trả gốc nhưng có thống nhất khi nào có thì. Vợ chồng ông bà đã trả được 1 phần lãi nhưng không nhớ cụ thể đã trả được bao nhiêu. Do điều kiện kinh tế khó khăn, dịch bệnh nên ông bà không có khả năng tiếp tục trả nợ được, ông bà nhất trí trả nợ nhưng xin trả dần.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị D có bản tự khai thống nhất với ý kiến, yêu cầu của ông Dương Quang L.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Dương Quang L sửa đổi 1 phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là chỉ yêu cầu vợ chồng ông Đ – bà X trả số nợ gốc 260.000.000đ, ông tự nguyện ông không yêu cầu vợ chồng ông Đ trả lãi trong hạn, lãi chậm trả. Phía bị đơn là vợ chồng ông Đoàn Văn Đ – bà Nguyễn Thị X vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên Tòa nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phía nguyên đơn có ý thức chấp hành pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 275, 288, 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị HĐXX xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Quang L, buộc vợ chồng ông Đoàn Văn Đ – bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Dương Quang L – bà Ngô Thị D số tiền gốc vay là 260.000.000đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng).

- Về án phí: Buộc vợ chồng ông Đoàn Văn Đ – bà Nguyễn Thị X phải liên đới nộp 13.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của đương sự: Mặc dù bị đơn là ông Đoàn Văn Đ, bà Nguyễn Thị X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị D vắng mặt nhưng bà D có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Đ, bà X đều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, do đó, cần áp dụng Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt họ.

[2]. Đối với yêu cầu của ông Dương Quang L về việc đòi vợ chồng ông Đoàn Văn Đ – bà Nguyễn Thị X trả số nợ gốc 260.000.000đ: Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ nộp kèm theo là bản gốc các “Giấy biên nhận vay tiền thỏa thuận” mà nguyên đơn ông Dương Quang L đưa ra, đồng thời được phía bị đơn là ông Đoàn Văn Đ, bà Nguyễn Thị X thừa nhận, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: ông Đoàn Văn Đ đã trực tiếp đứng ra vay tiền của vợ chồng ông Dương Quang L nhiều lần với tổng cộng số tiền 260.000.000đ (ngày 18/4/2016 âm lịch vay 50.000.000đ; ngày 15/5/2016 âm lịch vay 30.000.000đ; ngày 19/7/2016 âm lịch vay 20.000.000đ; ngày 14/10/2016 âm lịch vay 50.000.000đ; ngày 17/01/2017 âm lịch vay 50.000.000đ; ngày 25/02/2017 âm lịch vay 60.000.000đ). Các lần vay tiền đều do ông Đ ký vào giấy vay tiền, hai bên có thỏa thuận lãi. Vợ chồng ông Đ có trả lãi theo thỏa thuận đến ngày 25/02/2017 âm lịch. Từ đó cho đến nay không trả gốc và lãi nữa mặc dù ông đã đòi nhiều lần. Việc ông Đ không trả nợ cho vợ chồng ông L theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên vay, đây chính là căn cứ phát sinh nghĩa vụ dân sự của ông Đ đối với vợ chồng ông L nên việc ông L khởi kiện đòi số nợ gốc 260.000.000đ là có căn cứ theo quy định tại Điều 275, 463; 466 của Bộ luật dân sự.

Về lãi suất: Theo hợp đồng đòi bên ký kết thì không thể hiện về lãi suất vay, nhưng theo lời khai của đôi bên về việc có trả lãi cho nhau đến tháng 2/2017 âm lịch nên cần xác định đây là hợp đồng vay có lãi, nhưng không rõ lãi suất. Việc vợ chồng ông Đ không thực hiện tiếp việc trả lãi là vi phạm hợp đồng, lẽ ra cần buộc ông Đ phải tiếp tục thực hiện việc trả lãi trong hạn, lãi chậm trả. Tuy nhiên, do ông L tự nguyện không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về nghĩa vụ liên đới của bà Nguyễn Thị X: Tuy việc vay tiền chỉ do một mình ông Đoàn Văn Đ thực hiện nhưng phục vụ việc làm ăn chung của vợ chồng, được bà X thừa nhận và đồng ý trả. Do đó, có đủ cơ sở buộc bà X phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông Đ trong việc trả nợ cho vợ chồng ông L theo quy định tại Điều 288 Bộ luật dân sự và các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là vợ chồng ông Đ – bà X phải liên đới nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 144, 147, 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 275, 288, 463; 466 của Bộ luật dân sự; Điều 18, 26 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Quang L: Buộc vợ chồng ông Đoàn Văn Đ – bà Nguyễn Thị X phải liên đới trả cho vợ chồng ông Dương Quang L – bà Ngô Thị D số tiền gốc là 260.000.000đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Án phí: Vợ chồng ông Đoàn Văn Đ – Bà Nguyễn Thị X phải liên đới nộp 13.000.000đ (mười ba triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Hiệp Hoà
- Chi cục THA DS Hiệp Hoà
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chu Mạnh Hà